

Số: *138* /BC-STC

Hung Yên, ngày *05* tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2018

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
- Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tài chính báo cáo tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018.

Tính đến hết ngày 30/6/2018, tổng hợp thu NSNN trên địa bàn đạt 5.585 tỷ đồng, đạt 46,5% so kế hoạch và tăng 5% so với cùng kỳ, cụ thể:

* Thu nội địa đạt 4.106 tỷ đồng, đạt 47,9% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 12% so với cùng kỳ. Trừ tiền sử dụng đất thu nội địa đạt 3.221 tỷ đồng, đạt 43% dự toán và tăng 4,7% so với cùng kỳ;

* Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.480 tỷ đồng (*trong đó hoàn thuế giá trị gia tăng 984 tỷ đồng*), đạt 43% dự toán HĐND giao và đạt 93% so với cùng kỳ.

*** Kết quả chi tiết một số khoản thu, sắc thuế như sau:**

- Thu từ DNNN Trung ương: được 80 tỷ đồng, đạt 41,2% dự toán và đạt 78% so với cùng kỳ;

- Thu từ DNNN Địa phương: được 14,6 tỷ đồng, đạt 48,5% dự toán và tăng 25% so với cùng kỳ;

- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài: đạt thấp, được 811 tỷ đồng, đạt 45% dự toán và tăng 30% so với cùng kỳ;

DN có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đạt 45% dự toán HĐND tỉnh do vẫn chịu tác động yếu tố giảm thu của năm trước; công ty TNHH Hanesbands Việt Nam năm 2016 nộp thừa thuế TNDN 35 tỷ đồng, năm 2017 chỉ phát sinh phải nộp 15 tỷ đồng nên đến nay vẫn nộp thừa 20 tỷ đồng, dự báo 6 tháng đầu năm

2018 sẽ không phát sinh phải nộp. Ngoài phát sinh nộp thuế tăng từ Công ty TNHH một thành viên Kinh Đô miền Bắc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ NQD sang ĐTNN (4 tháng đầu năm 2018 nộp 31,8 tỷ đồng) thì các doanh nghiệp trọng điểm của khu vực này dự báo nộp thuế ổn định so với các năm trước, nên không có yếu tố đột biến tăng thu lớn.

- Thu từ khu vực NQD: được 1.251 tỷ đồng, đạt 32,8% dự toán, đạt 81% so với cùng kỳ;

Nguyên nhân đạt thấp do một số doanh nghiệp trọng điểm có phát sinh thuế TNDN quý IV/2017, theo quy định thì hạn cuối phải nộp trong tháng 1/2018 nhưng đã nộp hết vào tháng 12/2017 nên số tiền thuế còn phải nộp sau quyết toán năm cũng không còn nhiều

- Thuế TNCN: được 385 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, tăng 12,5% so với cùng kỳ;

- Thu tiền sử dụng đất: được 885 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán và tăng 50% so với cùng kỳ;

- Thuế bảo vệ môi trường: được 169 tỷ đồng, đạt 66,4% dự toán và tăng 31% so với cùng kỳ;

- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: được 144 tỷ đồng, đạt 75,6% dự toán; tăng 30% so với cùng kỳ.

- Thu lệ phí trước bạ: được 139 tỷ đồng, đạt 47,3% dự toán và tăng 21,9% so với cùng kỳ;

- Thu phí, lệ phí: được 40,7 tỷ đồng, đạt 57,4% dự toán; đạt 87% so với cùng kỳ.

- Thu cố định tại xã: được 75 tỷ đồng, tăng 2,1 lần so với dự toán;

- Thu khác 74 tỷ đồng, đạt 80,6% so dự toán và tăng 2,2 lần so với cùng kỳ;

- Thu xổ số kiến thiết 6,2 tỷ đồng, đạt 41% dự toán và tăng 68% so với cùng kỳ.

*** Đánh giá chung:**

- Tính đến 30/6/2018 mặc dù thu nội địa so với cùng kỳ tăng nhưng vẫn chưa đảm bảo dự toán giao (đạt 46,6% dự toán)

- So số thực hiện 6 tháng đầu năm với dự toán của HĐND tỉnh giao: Có 7/14 khoản thu, sắc thuế đạt từ 50% dự toán trở lên, trong đó có một số khoản thu đạt cao như: Tiền sử dụng đất 88,5%; Thuế bảo vệ môi trường 66,4%; Tiền thuê đất 75,6%... Có 7/14 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 50% dự toán, trong đó có một số khoản thu đạt thấp như: Thu từ khu vực Ngoài quốc doanh 32,8%, Thu

từ khu vực DNNN Trung ương 41,2%,...

- So số thực hiện 6 tháng đầu năm với cùng kỳ: Có 9/14 khoản thu, sắc thuế tăng trưởng so với cùng kỳ, trong đó một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu tăng cao là: Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN (tăng 30%); Thuế TNCN (tăng 12,5%); Tiền sử dụng đất (tăng 50%), Thuế BVMT (tăng 31%),... Có 6/14 khoản thu thấp hơn so với cùng kỳ, đặc biệt là thu từ khu vực DNNN Trung ương bằng 78% do sang năm 2018, khu vực này không còn khoản thu của Công ty cổ phần may và dịch vụ Hưng Long do thực hiện cổ phần hóa chuyển sang khu vực DNNQD (6 tháng đầu năm 2017 nộp 15,7 tỷ đồng).

2. Dự toán chi ngân sách địa phương

* Nhìn chung các nhiệm vụ chi ngân sách trong những tháng đầu năm đảm bảo tiến độ dự toán. Tổng chi cân đối NSNN đến 30/6/2018 là 4.163 tỷ đồng, đạt 46,2% kế hoạch giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 1.451 tỷ đồng, đạt 54,7% kế hoạch

- Chi thường xuyên: 2.701 tỷ đồng (*NS cấp tỉnh 1.109 tỷ đồng, NS cấp huyện 1.218 tỷ đồng, NS xã 374 tỷ đồng*), bằng 44,5% dự toán được giao. Chi NSNN đã đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2018 đầu năm, các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương và các nhiệm vụ của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý thuế, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đạt dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện rà soát, đối chiếu, kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các huyện, thành phố, các đơn vị dự toán cấp I cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định; chủ động, quyết liệt trong việc đôn đốc chủ đầu tư, các đơn vị sử dụng ngân sách đối chiếu, thu hồi số vốn đã tạm ứng và tất toán các dự án, công trình hoàn thành. Thường xuyên phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành Luật ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, xử lý nghiêm những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Về công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản: Tập trung thẩm định, thanh quyết toán các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, nhập

Tabmis cho những công trình trong kế hoạch tập trung của tỉnh.

3. Về cân đối thu- chi ngân sách địa phương

Tính đến 30/6/2018, tổng thu cân đối NSDP chưa đảm bảo tiến độ đạt 47,9%. So với dự toán thu cân đối ngân sách cấp tỉnh còn thiếu 417 tỷ đồng (trong đó hụt chủ yếu từ 02 khoản thu doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài quốc doanh là 743 tỷ đồng).

Thu cân đối ngân sách cấp tỉnh: đạt thấp 2.430 tỷ đồng (nếu trừ tiền sử dụng đất thì thu cân đối cấp tỉnh đạt 2.293 tỷ đồng), đạt 40% dự toán. So với dự toán thu cân đối ngân sách cấp tỉnh còn thiếu 715 tỷ đồng (trong đó hụt chủ yếu từ 02 khoản thu doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài quốc doanh là 556 tỷ đồng).

4. Một số khó khăn, hạn chế.

- Nhiệm vụ thu NSNN vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thu ở khu vực Ngoài quốc doanh; thực hiện kế hoạch kiểm tra của một số đơn vị còn chậm tiến độ do nguồn nhân lực làm công tác kiểm tra còn mỏng trong khi kế hoạch thanh tra, kiểm tra nhiều; công tác quản lý nợ thuế gặp nhiều khó khăn, nợ thuế ở một số đơn vị còn cao, đặc biệt là các đơn vị sử dụng vốn ngân sách xây dựng cơ bản, các dự án nợ tiền sử dụng đất kéo dài và các doanh nghiệp chây ỳ, dây dưa nợ thuế.

- Nguồn bội chi 148,5 tỷ đồng (đã được Bộ Tài chính đồng ý cho vay từ nguồn vốn nhân rồi Kho bạc nhà nước Trung ương và đã thực hiện giải ngân hết năm 2017) đến nay chưa có nguồn để trả nợ gốc và lãi. Không có nguồn để trả nợ gốc khoản vay của Ngân hàng phát triển để thực hiện kiên cố hóa kênh mương (năm 2018, phải trả 80 tỷ đồng).

- Hiện nay chưa có nguồn để bố trí hỗ trợ các xã thực hiện nông thôn mới (500 triệu đồng/xã), theo đề nghị của sở Nông nghiệp – PTNT tổng kinh phí hỗ trợ là 20 tỷ đồng.

- Chưa có nguồn bố trí để xây dựng 71 nhà văn hóa theo kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 31/5/2018 về việc xây dựng thiết chế văn hóa tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025 (tổng kinh phí hỗ trợ 71 tỷ đồng).

- Chưa có nguồn để bố trí kinh phí GPMB Trường Học viện y dược cổ truyền (dự kiến 250 tỷ đồng)

- Đối với việc ứng kinh phí để GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đoạn qua tỉnh Hưng Yên: Tỉnh Hưng Yên đã ứng 386 tỷ đồng thực hiện GPMB (ứng từ nguồn cải cách

tiền lương; các nguồn khác của địa phương. Đến nay, sở Giao thông- Vận Tải chưa hoàn ứng kinh phí), Sở Giao thông – Vận Tải đề nghị ứng tiếp 50 tỷ đồng để GPMB, di chuyển hạ tầng kỹ thuật. Sở Tài chính đang cân đối để ứng từ nguồn cải cách tiền lương năm 2018.

- Tiến độ giải ngân nguồn kinh phí hỗ trợ mục tiêu của tỉnh cho ngân sách cấp huyện (62,5 tỷ đồng) và ngân sách cấp xã (100 tỷ đồng): Sở Tài chính đã thông báo kinh phí thực hiện cho các huyện, nhưng hiện nay có một số huyện tiến độ giải ngân chậm.

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường đê tả sông lược kéo dài (chuyển nguồn năm 2017 sang 2018: 383 tỷ đồng; năm 2018 được bố trí: 320 tỷ đồng) giải ngân chậm. Đến hết ngày 31/12/2018, nếu không thực hiện giải ngân sẽ phải chuyển trả kinh phí Trung ương.

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công (53,4 tỷ đồng) hoàn trả ngân sách địa phương đã ứng (Dự kiến trích cho Quỹ vì người nghèo 5 tỷ đồng; hỗ trợ sở Lao động – TBXH 10 tỷ đồng để xây dựng trụ sở mới), số còn lại tiếp tục chi hỗ trợ nhà ở cho người có công. Tuy nhiên, hiện nay sở Xây dựng đang rà soát và lập đề án giai đoạn 2 nên trong năm 2018 số kinh phí còn lại không thể giải ngân kịp.

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm

Để hoàn thành kế hoạch thu- chi năm 2018, trước mắt trong quý III ngành Tài chính, UBND các huyện, Thành phố, các Sở, ban, ngành cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

3.1. Về thu NSNN:

Một là, thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích và dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và thu NSNN trên địa bàn, bám sát nguồn thu mới phát sinh để kịp thời có biện pháp đề xuất với cấp uỷ, chính quyền địa phương và chủ động quản lý thu, chống thất thu. Bám sát và triển khai có hiệu quả chỉ đạo, điều hành tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 35/NQ-CP, số 36a/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Thực hiện giao dự toán thu ngân sách tới từng phòng, tổ, đội, cán bộ, công chức. Gắn trách nhiệm từng cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, mục tiêu hoàn thành vượt dự toán HĐND tỉnh giao.

Hai là, quyết liệt trong công tác quản lý nợ thuế. Triển khai đồng bộ các giải pháp tại Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh về việc

tăng cường công tác quản lý thuế, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, đảm bảo không để nợ đọng gia tăng.

Đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Sử dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế như: trích tiền từ tài khoản, thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng, công khai danh sách các doanh nghiệp nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng. Kiên quyết chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra phối hợp xử lý đối với những doanh nghiệp nợ đọng dây dưa, trây ỳ, bỏ trốn mang theo hoá đơn, trốn thuế,...

Tổ chức hội nghị bàn về công tác thu nợ, thành phần gồm Lãnh đạo UBND tỉnh, đại diện các sở, ngành liên quan, Cục Thuế và các doanh nghiệp nợ đọng lớn để lắng nghe ý kiến của người nộp thuế, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp cam kết nộp tiền thuế nợ vào NSNN.

Phân công, giao nhiệm vụ đôn đốc nợ thuế tới từng cán bộ, công chức. Gắn trách nhiệm quản lý, đôn đốc thu nợ với bình xét hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng và thi đua cuối năm.

Ba là, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, kết hợp chống thất thu ngân sách. Rà soát và tập trung thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá; kinh doanh thương mại điện tử, ăn uống, dịch vụ; doanh nghiệp kinh doanh lâu năm; các doanh nghiệp có số nợ thuế lớn; doanh nghiệp nhiều năm chưa được thanh tra, kiểm tra; các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế; tăng cường kiểm tra sau hoàn thuế,...

Chủ động phối hợp với cơ quan liên quan (Thanh tra Nhà nước, Công an, Quản lý thị trường...) kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế; xử lý nghiêm các trường hợp phát hiện và kịp thời thu hồi vào ngân sách đối với số tiền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hoá ngành thuế.

Tiếp tục triển khai kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2016-2020; thực hiện nghiêm các giải pháp tại Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính về thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cơ quan Nhà nước; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, góp phần thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh.

Năm là, thực hiện nghiêm lộ trình sáp nhập một số Chi cục Thuế thành Chi cục Thuế vùng theo Quyết định số 520/QĐ-BTC ngày 13/4/2018 của Bộ Tài chính và Thông báo số 1194-TB/TU ngày 22/6/2018 của Tỉnh uỷ; làm tốt công

tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động ngành thuế ở đơn vị sáp nhập, đảm bảo việc sắp xếp theo đúng quy định, ổn định tình hình, hoạt động có hiệu quả và thực hiện tốt nhiệm vụ công tác thuế được giao.

Sáu là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế để người nộp thuế nâng cao nhận thức về nghĩa vụ thuế đối với NSNN. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc kê khai, nộp thuế.

Bảy là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có biểu hiện vùi vĩnh, gây khó dễ cho người nộp thuế.

3.2. Về chi NSNN.

3.2.1. Đối với ngành Tài chính.

- Tiếp tục điều hành dự toán chi ngân sách năm 2018 tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, chống lãng phí.

- Tham mưu văn bản gửi Bộ Tài chính xin tiếp tục gia hạn vốn vay nhân rỗi của Kho bạc Nhà nước Trung ương.

- Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, tính toán và tổng hợp nhu cầu tăng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năm 2018 khi có Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính để trình UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện thông báo và nhập bổ sung kinh phí cho các đơn vị ngay sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh;

- Tăng cường công tác kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước, thực hiện đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức nhà nước quy định. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính của đơn vị. Phối hợp tốt giữa các địa phương và các ngành liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ đã được giao dự toán năm 2018.

3.2.2. Đối với sở Kế hoạch – Đầu tư.

- Chủ động hướng dẫn và báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2018. Hạn chế chi chuyển nguồn và tập trung thực hiện tốt các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, bảo đảm các dự án triển khai trong năm 2018 không phát sinh thêm khối lượng nợ xây dựng cơ bản. Chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo các chủ đầu tư triển khai thực hiện các dự án, công trình đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra, sớm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả. Phối

hợp tốt giữa cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước với các chủ đầu tư thực hiện tốt công tác giải ngân vốn đầu tư XDCB.

- Đối với kinh phí vay ngân hàng phát triển để thực hiện kiên cố hóa kênh mương (năm 2018 là 80 tỷ đồng) và vay từ nguồn nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước Trung ương để bù đắp bội chi (148,5 tỷ đồng): Sở Kế hoạch – Đầu tư cân đối nguồn để thực hiện trả gốc và lãi theo hướng dẫn tại mục a, b – điểm 6 – Điều 3- Thông tư 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

3.2.2. Đối với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố.

- Chi mua sắm đảm bảo đúng định mức, có trong dự toán; chi sửa chữa đúng tiến độ và có trong dự toán.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thành phố chủ động điều hành nội dung chi đã được bố trí trong dự toán, không đề xuất bổ sung kinh phí. Đối với những nhiệm vụ phát sinh chưa được bố trí kinh phí năm 2018, chủ động tổng hợp đưa vào dự toán 2019.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Tiến

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	TW giao	ĐP giao	Thực hiện	Tỷ lệ TH/DT ĐP giao
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	11.855.000	12.005.000	5.585.445	46,5%
I	Tổng các khoản thu nội địa	8.415.000	8.565.000	4.105.763	47,9%
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	195.000	195.000	80.247	41,2%
	- Thuế giá trị gia tăng	159.500	159.500	73.962	46,4%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.000	35.000	5.888	16,8%
	- Thuế tài nguyên	500	500	397	79,4%
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Địa phương	30.000	30.000	14.560	48,5%
	- Thuế giá trị gia tăng	20.000	20.000	8.838	44,2%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	9.000	5.146	57,2%
	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	576	57,6%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.800.000	1.800.000	811.118	45,1%
	- Thuế giá trị gia tăng	695.000	695.000	283.746	40,8%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.075.000	1.075.000	512.342	47,7%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		0	507	
	- Thuế tài nguyên	20.000	20.000	14.523	72,6%
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000	10.000		0,0%
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.811.000	3.811.000	1.250.566	32,8%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.753.000	1.753.000	676.628	38,6%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.370.000	1.370.000	326.964	23,9%
	- Thuế tiêu thụ ĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước	680.000	680.000	240.550	35,4%
	- Thuế tài nguyên	8.000	8.000	6.424	80,3%
5	Lệ phí trước bạ	295.000	295.000	139.499	47,3%
6	Thuế thu nhập cá nhân	750.000	750.000	384.613	51,3%
7	Thuế bảo vệ môi trường	255.000	255.000	169.287	66,4%
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	158.800	158.800	105.865	66,7%
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	96.200	96.200	63.422	65,9%
8	Thu phí và lệ phí	71.000	71.000	40.719	57,4%
	- Trung ương	20.000	20.000	9.118	45,6%
	- Phí và lệ phí địa phương	51.000	51.000	31.601	62,0%
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.000	26.000	13.239	50,9%
10	Thu tiền sử dụng đất	850.000	1.000.000	885.067	88,5%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	190.000	190.000	143.615	75,6%
12	Thu tiền chuyển quyền khai thác khoáng sản			18.269	
13	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS... của NS xã	35.000	35.000	74.681	213,4%
14	Thu khác	92.000	92.000	74.115	80,6%
	Trở: - Thu phạt An toàn giao thông	47.000	47.000	12.018	25,6%

TT	Nội dung	TW giao	ĐP giao	Thực hiện	Tỷ lệ TH/DT ĐP giao
	- Thu phạt vi phạm HC do ngành thuế phạt	15.000	15.000	7.874	52,5%
	- Thu khác ngân sách địa phương	30.000	30.000	54.223	180,7%
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000	15.000	6.168	41,1%
II	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu			495.899	
1	Tổng thu từ hoạt động XNK	3.440.000	3.440.000	1.479.682	43,0%
	<i>Trong đó:</i>				
1,1	Thuế xuất khẩu	9.000	9.000	5.490	61,0%
1,2	Thuế nhập khẩu	729.000	729.000	149.326	20,5%
1,3	Thuế bảo vệ môi trường	2.000	2.000	1.335	66,8%
1,4	Thuế giá trị gia tăng	2.700.000	2.700.000	1.319.385	48,9%
2	Hoàn thuế GTGT			-983.783	

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

Đến ngày 30/6/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2018	THỰC HIỆN 2018	Trong đó		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	9.008.537	4.163.424	1.848.275	1.554.626	760.523
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>46,22%</i>	<i>42,29%</i>	<i>45,34%</i>	<i>62,90%</i>
I	Chi đầu tư phát triển	2.653.283	1.450.546	735.197	330.485	384.864
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>54,67%</i>	<i>43,42%</i>	<i>54,45%</i>	<i>108,96%</i>
II	Chi thường xuyên	6.067.999	2.700.855	1.109.273	1.217.919	373.663
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>44,51%</i>	<i>44,07%</i>	<i>44,61%</i>	<i>45,53%</i>
1	Quốc phòng	172.191	131.030	94.790	23.039	13.201
2	An ninh	85.077	39.232	19.691	3.990	15.551
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.137.289	991.703	215.146	762.913	13.644
4	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.699	20.353	20.353	0	0
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	669.560	235.209	211.267	17.442	6.500
6	Sự nghiệp văn hoá - thể dục - thể thao	112.931	51.889	27.626	10.972	13.291
7	Sự nghiệp phát thanh - truyền hình	74.810	22.949	16.235	4.540	2.174
8	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	440.950	207.930	39.451	147.588	20.891
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	157.215	54.828	4.488	44.317	6.023
10	Sự nghiệp kinh tế	654.179	263.004	185.436	57.240	20.328
11	Quản lý hành chính nhà nước, đảng, tổ chức chính trị XH, hỗ trợ hội, đoàn thể	1.379.349	665.907	265.703	138.995	261.209
12	Chi khác ngân sách	46.589	16.821	9.087	6.883	851
III	Chi trả nợ lãi vay do chính quyền địa phương	3.200	1.154	1.154		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0		
V	Dự phòng ngân sách	154.180	0			
VI	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	27.600	0			
VII	Chi bổ sung có mục tiêu các dự án (Vốn nu	45.700	0			
VIII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	55.575	0			
IX	Các nhiệm vụ chi khác		10.869	2.651	6.222	1.996
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	50.000	0			
C	CHI TRẢ NỢ GỐC (NGOÀI CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN VƯỢT THU, TIẾT KIỆM	80.000	0	0		
D	CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	2.795.316	1.607.388	1.276.324	331.025	39
1	Bổ sung cân đối	2.617.656	1.391.039	1.155.900	235.139	0
2	Bổ sung mục tiêu	177.660	214.135	120.424	93.711	0

Handwritten signature